

Số: 162/BC-CT

Điện Bàn, ngày 16 tháng 04 năm 2009

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2008

**Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM**

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: thành lập ngày 29/11/1986 với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp liên hiệp lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam Đà Nẵng. Năm 1997: đổi tên thành Công ty lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần theo quyết định số 5084/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Công ty lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: **3303070165** ngày 30/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 08/06/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30/07/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Ngày 01/01/2006 chính thức chuyển thành Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam

+ Niêm yết: Công ty chưa niêm yết

+ Các sự kiện khác:

- Công ty là thành viên của Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật.
- Công ty đã chính thức gia nhập Mạng lưới kinh doanh lâm sản Việt Nam (VFTN) từ ngày 06/12/2006. Hiện nay công ty đã có chứng chỉ COC, ISO 9001-2000, đang thực hiện SA 8000. Công ty đang theo đuổi thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững theo các nguyên tắc và tiêu chí FSC.

Các giải thưởng và chứng nhận:

Công ty đã được trao tặng cúp vàng thương hiệu và doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín từ năm 2005.

Năm 2006 được nhà nước trao huân chương lao động hạng II, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005

Được Bộ công thương công nhận là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2007 và là doanh nghiệp thương mại dịch vụ tiêu biểu năm 2008.

Mạng doanh nghiệp Việt Nam công nhận là nhà cung cấp đáng tin cậy

Ủy ban quốc gia về hợp tác về hợp tác kinh tế quốc tế công nhận doanh nghiệp có mặt hàng/ nhóm hàng xuất khẩu độc đáo được thị trường quốc tế đánh giá cao.

#### 2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, chế biến gỗ và lâm đặc sản.
- Kinh doanh nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp
- Xây dựng đường giao thông nông thôn, cầu cống nhỏ, công trình thủy lợi nhỏ.
- Thiết kế, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác rừng trồng
- Sản xuất kinh doanh bao bì carton.

+ Tình hình hoạt động:

Công ty đã có hơn 20 năm kinh nghiệm sản xuất hàng mộc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng nguyên liệu và kinh doanh gỗ nguyên liệu giấy.

- Năng lực sản xuất của toàn công ty là : 30.000 m<sup>3</sup> gỗ mộc nguyên liệu/năm.
- Cung ứng gỗ nguyên liệu giấy : 80.000 tấn/năm
- Quản lý: 2.400 ha rừng trồng Keo các loại, thông nhựa và 1.000 ha rừng trồng bằng hình thức đầu tư cho vay vốn.
- Doanh thu xuất khẩu hàng năm đạt : Trên 10.000.000 USD/năm.
- Tổng số lượng cán bộ công nhân viên công ty : Bình quân 1.300 người.
- Thị trường xuất khẩu chủ yếu sang Châu Âu : Thụy điển, Pháp, Italia, Đức..

### 3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty xây dựng các mục tiêu để định hướng phát triển như sau:

Mục tiêu về bộ máy tổ chức và nhân sự

Mục tiêu về phát triển năng lực sản xuất hàng mộc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

Mục tiêu phát triển bền vững vùng nguyên liệu

Mục tiêu về phát triển thị trường

Mục tiêu về khả năng phát triển bền vững, khẳng định thương hiệu của doanh nghiệp.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm...) và

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Năm 2008 ảnh hưởng tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, lạm phát tăng cao, lãi suất cho vay cao ảnh hưởng rất lớn đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để giải quyết những khó khăn trên. Vì vậy kết quả hoạt động đạt được như sau:

- Sản lượng hàng mộc xuất khẩu : 6.532,6 m<sup>3</sup> tinh chế đạt 87,3% so với kế hoạch.
- Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp: 8.335.124 USD đạt 98,5% so với kế hoạch
- Tổng sản lượng nguyên liệu giấy: 78.704 tấn đạt 131,2% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu : 218,967 tỷ đạt 118,4% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 332,838 triệu đồng đạt 7,4% so với kế hoạch

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- Phát triển năng lực sản xuất, đầu tư mới 2 nhà máy: một nhà máy sản xuất hàng mộc nội thất và một nhà máy sản xuất hàng mộc ngoài trời phục vụ chủ yếu xuất khẩu.
- Mở rộng thị trường xuất sang bắc Âu, Mỹ, Canada...
- Phát triển trồng rừng mở rộng vùng nguyên liệu và áp dụng hệ thống quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn và tiêu chí của FSC.
- Phát triển nhiều mẫu mới, đa dạng hóa sản phẩm hàng mộc, giữ vững uy tín và thương hiệu FOREXCO trên thị trường trong nước và thế giới.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2008

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>78.932.909.864</b>	<b>62.449.659.190</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.884.868.848	2.384.032.668
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	23.388.068.379	19.477.208.673
4	Hàng tồn kho	49.277.235.120	37.598.007.001
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.382.737.517	2.990.410.848
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>37.351.351.936</b>	<b>34.296.728.927</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	23.726.321.037	19.654.313.931
	- Tài sản cố định hữu hình	21.825.669.014	17.872.412.631
	- Tài sản cố định vô hình	231.000.000	1.501.000.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.669.652.023	280.901.300
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12.606.317.388	13.822.448.367
5	Tài sản dài hạn khác	1.018.713.511	819.966.629
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>116.284.261.800</b>	<b>96.746.388.117</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>77.206.619.230</b>	<b>61.105.908.149</b>
1	Nợ ngắn hạn	67.122.261.882	50.856.352.741
2	Nợ dài hạn	10.084.357.348	10.249.555.408
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>39.077.642.570</b>	<b>35.640.479.968</b>
1	Vốn chủ sở hữu	39.077.642.570	35.640.479.968
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	5.307.641.314	5.307.641.314
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.429.628.116	332.838.654
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>116.284.261.800</b>	<b>96.746.388.117</b>

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32% 68%	35,5% 64,5%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	66% 34%	63% 37%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,38 1,18	0,43 1,23
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,9% 2,2% 8,9%	0,34% 0,15% 0,93%

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.967.138.061	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	884.310.466	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.082.827.595	
4	Giá vốn hàng bán	195.313.841.965	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.768.985.630	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.647.139.034	
7	Chi phí tài chính	8.253.705.544	
8	Chi phí bán hàng	6.355.274.089	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.468.129.052	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	339.015.979	
11	Thu nhập khác	581.504.639	
12	Chi phí khác	587.681.964	
13	Lợi nhuận khác	( 6.177.325 )	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	332.838.654	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	332.838.654	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		111
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		89

## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Các biện pháp kiểm soát.....

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu định hướng phát triển đã đề ra trên cơ sở sử dụng nguồn nhân lực dày dặn kinh nghiệm hiện có và áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và bảo đảm đạt hiệu quả kinh doanh.

## IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:  
Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề đã nêu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý)

### 2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

## VI. Các công ty có liên quan

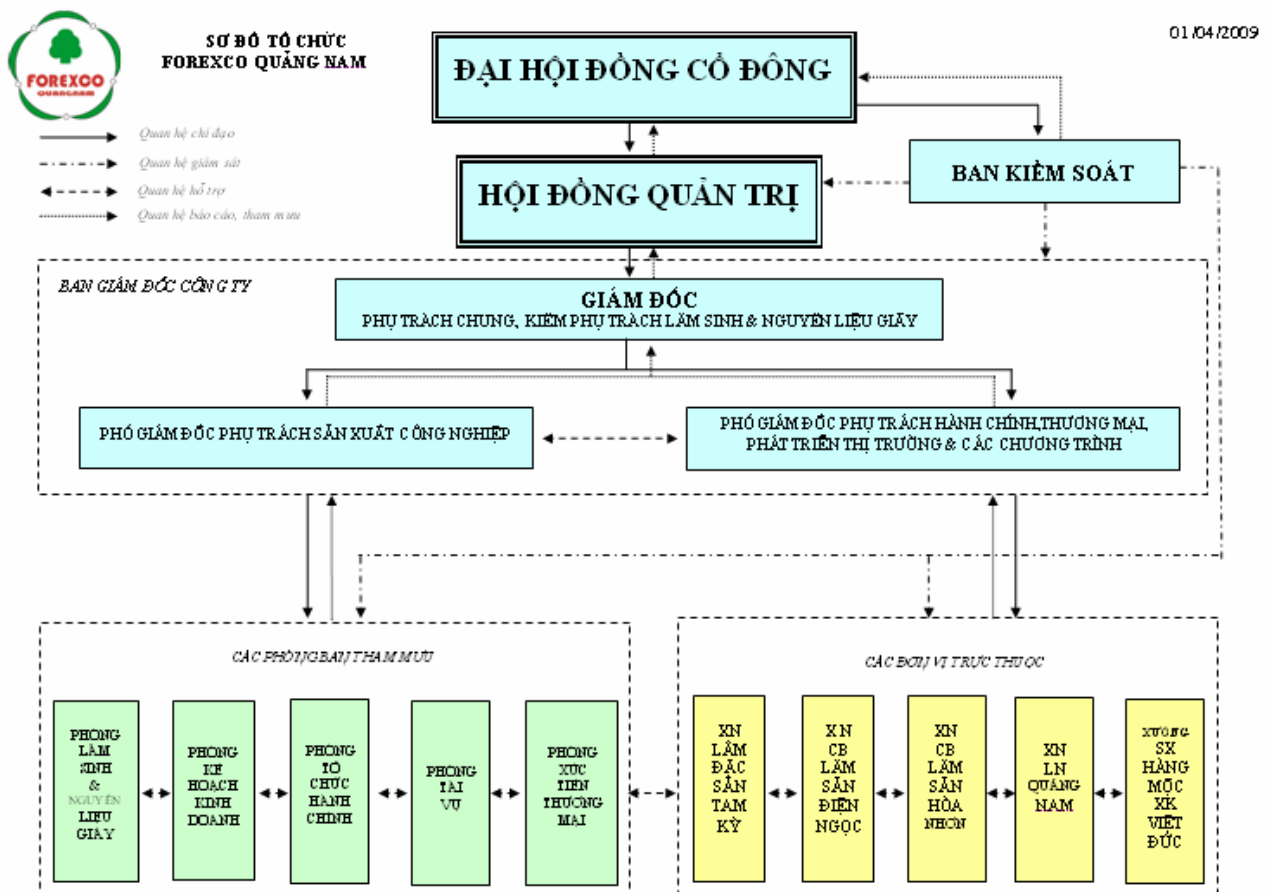
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước ( 65,06 %)

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Công ty đã Liên doanh với Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt – Nhật (VIJACHIP) về sản xuất dăm gỗ xuất khẩu từ năm 1993. Hoạt động của công ty này luôn có hiệu quả cao (tính đến thời điểm 31/12/2008).

## VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn
1	Đặng Ngọc Bá	1956	200022133	Tổ 6, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế.
2	Phan Quang Đình	1957	201534824	K18/12 Nguyễn Văn Thoại, TP. Đà Nẵng	Đại học kinh tế lao động và Công đoàn
3	Phạm Hồi Trang	1955	200785894	113 Nguyễn Trường Tộ, TP. Hội An	Kỹ sư cơ khí, cử nhân kinh tế
4	Phạm Phú Thống	1957	200441585	Phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế
5	Huỳnh Ngọc Vinh	1962	205602147	52 Nguyễn Duy Hiệu, TP. Hội An	Kỹ sư chế biến gỗ, Cử nhân kinh tế, Marketing cao cấp về đồ gỗ quốc tế (CHLB Đức)

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm  
 - Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: 1.244 người. Toàn bộ CBCNV đã có hợp đồng lao động từ thời vụ đến không thời hạn. Các chính sách và chế độ đối với người lao động thực hiện đúng theo quy định của bộ luật lao động.

- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

Thay đổi một thành viên ban kiểm soát: Trong năm 2008, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 đã bầu bà Nguyễn Thị Trúc Phương thành viên ban kiểm soát thay ông Nguyễn Bảy.

Thay đổi kế toán trưởng: Điều động và bổ nhiệm ông Trần Đình Nam giữ chức vụ kế toán trưởng thay ông Trần Mẫn.

## VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ
1	Phạm Phú Thống	1957	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty.
2	Phan Quang Đình	1957	Thành viên HĐQT độc lập, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn
3	Đặng Ngọc Bá	1956	Thành viên HĐQT độc lập.
4	Phạm Hồi Trang	1955	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty
5	Huỳnh Ngọc Vinh	1962	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ
1	Phạm Thị Liên	1966	Trưởng Ban
2	Trần Cừ	1956	Thành viên
3	Nguyễn Thị Trúc Phương	1976	Thành viên

- Hoạt động của HĐQT:

Năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã chấp nhận đơn từ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Đặng Ngọc Bá và đã bầu ông Phạm Phú Thống thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty giữ chức vụ Chủ tịch.

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo để thực hiện những nội dung còn lại của phương án sau cổ phần hoá doanh nghiệp; lãnh đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường năm 2008 đề ra. Thực hiện nghiêm túc những quy định được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty cổ phần;

Trong năm Hội đồng quản trị đã tiến hành nhiều phiên họp (Trong đó có 04 phiên họp định kỳ và 06 phiên họp đột xuất) để giải quyết những vấn đề vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và bàn những giải pháp định hướng, đồng thời tiến hành xem xét về công tác tổ chức bộ máy và nhân sự của Công ty, xem xét các dự án đầu tư do Ban giám đốc đề xuất.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 8 năm 2008; tại Đại hội này Hội đồng quản trị đã trình ra Đại hội dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dựa trên điều lệ mẫu ban hành kèm theo Quyết định 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán; xin điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008 và đã được Đại hội thống nhất thông qua.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên trong Ban giám đốc Công ty, 01 thành viên độc lập không tham gia điều hành đã tham gia giám sát các hoạt động của Ban giám đốc đồng thời giữ chức vụ là Bí thư đảng ủy Công ty và Chủ tịch công đoàn công ty, 01 thành viên còn lại do tình hình sức khoẻ nên đang nghỉ việc chờ giải quyết chế độ.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...) Nhằm tăng cường chức năng quản trị và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đã phân công từng thành viên đảm nhiệm giám sát từng lĩnh vực cụ thể như: công tác nhân sự, lương thưởng; công tác quan hệ cổ đông; công tác chính sách phát triển; công tác kiểm toán nội bộ.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của ban kiểm soát chủ yếu là kiểm tra các hoạt động tài chính, tình hình tài chính toàn công ty; kiểm tra các hoạt động sản xuất công nghiệp và lâm sinh; tình hình quản lý lao động tiền lương và công tác cán bộ tại Công ty. Ban kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực trong việc góp ý với Hội đồng quản trị về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và thông qua các báo cáo hàng quý.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Chuẩn bị ban hành quy chế quản trị Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam theo quy chế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngoài tiền lương căn cứ theo chức vụ chuyên trách hàng tháng được hưởng, mức trích thù lao của Hội đồng quản trị bằng 2% lợi nhuận sau thuế và mức trích thù lao của Ban kiểm soát là 1 % lợi nhuận sau thuế.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Chưa có chứng chỉ nhưng đã có kế hoạch tham gia khóa đào tạo cấp chứng chỉ quản trị công ty theo chương trình của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức dự kiến vào tháng 5 và 6/2009.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT.

STT	Họ và tên	Số Cổ phần sở hữu	Số CP đại diện Nhà nước	Tổng số CP	Tỷ lệ
1	Phạm Phú Thống	15.200	1.051.800	1.067.000	35,57%
2	Phan Quang Đình	5.000	900.000	905.000	30,17%
3	Đặng Ngọc Bá	21.100		21.100	0,70%
4	Phạm Hồi Trang	6.000		6.000	0,20%
5	Huỳnh Ngọc Vinh	5.000		5.000	0,17%

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước  
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

Công ty chỉ có 1 cổ đông lớn là : Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (chiếm 65,06 % vốn điều lệ).

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

(Không có)

### Nơi nhận:

- UBCK Nhà Nước.
- Lưu: thư ký Công ty

Giám đốc công ty



Phạm Phú Thống